TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**: 32/2021/HNGĐ-ST** Ngày 18/8/2021 "V/v Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988, ĐKHKTT, trú tại: xóm 14, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994; ĐKHKTT, trú tại: xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Phạm Thị D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 14, xã Q một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân anh H xác định do chị D có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị D không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại, cãi cọ lẫn nhau. Vì vậy anh và chị D chỉ chung sống với nhau được 3 tháng thì chị D về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã Q để sinh sống, ly thân với anh H, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị D để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Phạm Thị D trong đơn trình bày ngày 28/5/2021 trình bày:

Chị xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như anh H đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H tại xóm 14, xã Q. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn do tính tính không hợp nhau, bất

đồng lối sống, quan điểm sống, thường xảy ra cãi nhau. Do vậy chị và anh H đã sống ly thân với nhau chỉ sau 3 tháng chung sống. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có trao đổi, liên lạc, hòa giải gì với nhau.

Về con chung và tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị D xác định vợ chồng không thể tiếp tục hòa giải để quay về chung sống và do bận công việc nên chị có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho vợ chồng và xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt chị

Anh H do bận công việc nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Phạm Thị D; anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị Phạm Thị D, cư trú tại xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND Q, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn

Theo anh H, nguyên nhân mâu thuẫn do chị D có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù anh H đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị D không thay đổi. Tuy nhiên anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho trình bày này. Giữa vợ chồng thường xảy ra lời qua tiếng lại, cãi cọ lẫn nhau, sau 3 tháng chung sống, chị D về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai.

Về phía chị D, chị cho rằng mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống, chị và anh H đã sống ly thân với nhau khi mới chỉ về chung sống được 3 tháng. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì không có trao đổi, liên lạc, hòa giải gì.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh H và chị D tại UBND xã Q là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận anh H và chị D có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân là gì, chỉ biết vài năm gần đây anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

Như vậy việc xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của anh H và chị D là khác nhau nhưng cả hai bên đều khẳng định giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn (3 tháng) thì ly thân. Hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, dẫn đến vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa; cả anh H và chị D đều xác định không thể quay về chung sống với nhau được nữa

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh H, chị D hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh H giải quyết ly hôn chị D là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị D đều xác định không có con chung, không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Phạm Thị D.

2/ Về án phí: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2588 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh